

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: **122** /2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày **22** tháng **10** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công;
cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc môi trường
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số
47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ
tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
111/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm
vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách
nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và
Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu
quan trắc chất lượng môi trường;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định tiêu chí, tiêu
chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm
thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc
môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn
chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch
vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc môi
trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2026.

Bãi bỏ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *muen*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP Trần Văn Toàn
- Lưu: VT, Nguyên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *moai*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phước Thiện



QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (sau đây gọi chung là bên cung ứng dịch vụ).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về quan trắc môi trường là mức độ đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, tiến độ, tính chính xác, tính đầy đủ và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật, nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng đặt hàng.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng là các nội dung, chỉ tiêu hoặc yêu cầu cụ thể dùng làm căn cứ để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng dịch vụ do bên cung ứng thực hiện.

3. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ là mức yêu cầu cần đạt đối với từng tiêu chí; là căn cứ xác định kết quả đánh giá theo mức “Đạt” hoặc “Không đạt”.

4. Nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công là việc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá và xác nhận khối lượng, chất lượng dịch vụ đã thực hiện làm cơ sở thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

5. Tự công bố năng lực hoạt động dịch vụ quan trắc là việc tổ chức cung ứng dịch vụ tự kê khai, công bố và chịu trách nhiệm trước pháp luật về năng lực, phạm vi hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Nội dung, tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ

Nội dung, quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Đánh giá nghiệm thu chất lượng, thanh toán dịch vụ

1. Việc đánh giá chất lượng và nghiệm thu dịch vụ được thực hiện căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này theo phương thức đánh giá “Đạt” hoặc “Không đạt”.

2. Kinh phí thanh toán dịch vụ được căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng như sau:

a) Trường hợp dịch vụ được đánh giá “Đạt”: được nghiệm thu và thanh toán 100% kinh phí theo quy định.

b) Trường hợp dịch vụ được đánh giá “Không đạt”: bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm khắc phục, hoàn thiện các nội dung chưa đạt theo yêu cầu của cơ quan quản lý; việc nghiệm thu, thanh toán được thực hiện sau khi kết quả đánh giá lại đạt yêu cầu.

Điều 6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ

1. Việc kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá và yêu cầu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Khi phát hiện sai sót, tồn tại trong quá trình cung ứng dịch vụ, cơ quan quản lý yêu cầu bên cung ứng thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn phù hợp; sau khi hoàn thành khắc phục, tổ chức kiểm tra, đánh giá lại làm cơ sở nghiệm thu.

Điều 7. Kiểm định chất lượng dịch vụ

1. Khi cần xác định khách quan chất lượng dịch vụ hoặc xử lý trường hợp có ý kiến khác nhau về kết quả đánh giá, cơ quan được giao quản lý được thuê tổ chức có đủ năng lực, chức năng theo quy định của pháp luật để thực hiện kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

2. Kinh phí thực hiện kiểm định được bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ; thực hiện nghiệm thu, thanh toán kinh phí theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng triển khai thực hiện hàng năm bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
3. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn của địa phương.
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu điều chỉnh đơn giá có liên quan khi có thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ hoặc khối lượng dịch vụ được giao theo quy định pháp luật về giá.
5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện dịch vụ.
6. Yêu cầu đơn vị cung ứng duy trì đầy đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về bảo đảm và kiểm soát chất lượng, năng lực quan trắc, năng lực phân tích và các yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành trong quá trình thực hiện dịch vụ.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung danh mục, đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực quan trắc môi trường sử dụng ngân sách nhà nước từ các nguồn kinh phí thuộc danh mục sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thẩm định kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng các dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực quan trắc môi trường sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ

1. Lập và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất khối lượng công việc, dự toán kinh phí thực hiện dịch vụ hàng năm theo yêu cầu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng để làm cơ sở xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách.
2. Tổ chức thực hiện dịch vụ bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật, tiến độ và chất lượng; thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo đảm và kiểm soát chất lượng theo quy định của pháp luật và các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Quy định này.
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về tính chính xác, trung thực, khách quan của số liệu, kết quả quan trắc; về nội dung, khối lượng và chất lượng dịch vụ.

4. Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí và quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, định mức và quy định của pháp luật.

5. Duy trì đầy đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật; bảo đảm năng lực quan trắc, năng lực phân tích, hệ thống quản lý chất lượng và các điều kiện kỹ thuật cần thiết trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ.

6. Quản lý, lưu trữ, cập nhật và bàn giao đầy đủ dữ liệu quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



PHỤ LỤC

**Nội dung, tiêu chí đánh giá dịch vụ quan trắc môi trường
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND)

Các tiêu chí đánh giá được sắp xếp theo 06 nhóm như sau:

- Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.
- Tiêu chí 2: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.
- Tiêu chí 3: Tính pháp lý của số liệu quan trắc.
- Tiêu chí 4: Sự tuân thủ của báo cáo kết quả quan trắc.
- Tiêu chí 5: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng.
- Tiêu chí 6: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng.

Bảng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá như sau:

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (đạt/không đạt)
1	Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công		
a	Là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc tổ chức khác được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật và đang hoạt động bình thường tại thời điểm được giao nhiệm vụ, đặt hàng	Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	- Đối chiếu hồ sơ - Đánh giá: Đạt/Không đạt.
b	Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành, nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động quan trắc môi trường.	- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Quyết định thành lập và Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của	

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (đạt/không đạt)
		đơn vị do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền. - Đối với doanh nghiệp, tổ chức khác: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thể hiện ngành, nghề phù hợp; Điều lệ tổ chức và hoạt động (nếu có).	
c	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo quy định. Đối với doanh nghiệp, tổ chức khác: có đủ năng lực tài chính để thực hiện dịch vụ.	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Quyết định giao quyền tự chủ tài chính. Đối với doanh nghiệp, tổ chức khác: Báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc tài liệu chứng minh năng lực tài chính.	- Đối chiếu hồ sơ - Đánh giá: Đạt/Không đạt.
d	Đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện dịch vụ.	Bản tự công bố năng lực theo mẫu quy định kèm chứng từ đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thực hiện dịch vụ; hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường còn hiệu lực.	- Đối chiếu hồ sơ - Đánh giá: Đạt/Không đạt.
2	Tiêu chí 2: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công		
a	Thời gian hoạt động chính thức từ 05 năm trở lên và đảm bảo có tính kế thừa nếu	Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy chứng nhận đăng ký	- Đối chiếu hồ sơ - Đánh giá: Đạt/Không đạt.

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (đạt/không đạt)
	thuộc trường hợp sáp nhập tổ chức của cấp có thẩm quyền	kinh doanh theo quy định của pháp luật.	
b	Kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự	Các Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc hợp đồng thực hiện	- Đối chiếu hồ sơ - Đánh giá: Đạt/Không đạt
3	Tiêu chí 3: Tính pháp lý của số liệu quan trắc		
a	Phiếu kết quả quan trắc, phân tích do tổ chức đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện dịch vụ.	Bản tự công bố năng lực kèm chứng từ đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường còn hiệu lực; hoặc tài liệu chứng minh điều kiện năng lực tương đương theo quy định.	- Đối chiếu hồ sơ - Đánh giá: Đạt/Không đạt
b	Các phiếu kết quả quan trắc là bản chính (Phiếu kết quả quan trắc/phân tích được ký bởi người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức; thể hiện đầy đủ: tên tổ chức, tên khách hàng, ngày xuất phiếu, ký hiệu phiếu, kết quả phân tích, phương pháp sử dụng, quy chuẩn đối chiếu).	Bản chính kết quả quan trắc	- Đối chiếu hồ sơ - Đánh giá: Đạt/Không đạt.
4	Tiêu chí 4: Sự tuân thủ của báo cáo kết quả quan trắc		
a	Báo cáo kết quả quan trắc từng đợt được lập đúng mẫu biểu, nội dung theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng và quy định kỹ thuật quan trắc môi trường có hiệu lực tại thời điểm thực hiện dịch vụ	Báo cáo kết quả quan trắc từng đợt và báo cáo tổng hợp năm đã giao nộp.	- Đối chiếu quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng. - Đánh giá: Đạt/Không đạt.

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (đạt/không đạt)
b	Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc năm được lập đúng mẫu biểu, nội dung theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng và quy định kỹ thuật quan trắc môi trường có hiệu lực tại thời điểm thực hiện dịch vụ.	Báo cáo kết quả quan trắc từng đợt và báo cáo tổng hợp năm đã giao nộp.	
5	Tiêu chí 5: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng		
a	Có Văn bản gửi cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng, yêu cầu nghiệm thu sản phẩm của nhiệm vụ.	Có Văn bản gửi cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng yêu cầu nghiệm thu sản phẩm của nhiệm vụ.	- Có gửi văn bản, đúng nội dung: đạt. - Không gửi hoặc gửi văn bản không đúng nội dung: không đạt.
b	Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng tiến hành nghiệm thu khối lượng, chất lượng và các sản phẩm.	Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm	- Đối chiếu quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng. - Đánh giá: Đạt/Không đạt
6	Tiêu chí 6: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng		
a	Đáp ứng về số lượng theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng	Sản phẩm bàn giao theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng	- Đối chiếu quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng. - Đánh giá: Đạt/Không đạt.
b	Đạt chất lượng theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng	Sản phẩm bàn giao theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng	